

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày 04-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phơ.

2. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hộ kinh doanh T. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bảo Y; Địa chỉ: Số khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lâm P, địa chỉ: đường P, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2020 của nguyên đơn cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bảo Y trình bày:

Ngày 19/12/2017, ông Nguyễn Lâm P với ông Lê Văn T, chủ Hộ kinh doanh T có ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản. Theo thỏa thuận thì ông T bán cho ông P các sản phẩm gồm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể bên Hộ kinh doanh T giao hàng cho ông P tại kho hàng của Hộ kinh doanh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông P nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông P phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho bên Hộ kinh doanh T. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho ông P và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì bên Hộ kinh doanh T không chịu trách nhiệm nữa.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhiều lần bán thức ăn tôm cho ông P theo đúng đơn hàng của ông P yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông P đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mình và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên ông T.

Căn cứ theo Điều 2 của Hợp đồng mua bán này, bên ông P có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho Hộ kinh doanh T khi thu hoạch tôm. Trường hợp bên ông P nuôi tôm bị thất (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) thì bên ông P vẫn phải thanh toán đầy đủ công nợ cho bên Hộ kinh doanh T. Tuy nhiên, ông P đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Đến ngày 13/03/2019, ông T và ông P đối chiếu công nợ, ông P thừa nhận còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền 53.170.000 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ ông P vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Hộ kinh doanh T.

Nay Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Lâm P phải trả cho Hộ kinh doanh T số tiền mua hàng còn nợ là 53.170.000 đồng và yêu cầu trả lãi chậm thanh toán là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, từ 14/03/2019 đến 14/11/2019 (08 tháng) với số tiền là 3.530.488 đồng. Tổng cộng số tiền là 56.700.488 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Lâm P trình bày:

Ngày 19/12/2017, ông Nguyễn Lâm P với ông Lê Văn T, chủ Hộ kinh doanh T có ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản. Theo thỏa thuận thì ông T bán cho bên ông P các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Tuy nhiên sau khi mua hàng do Tôm bị bệnh, mất mùa nên ông P không có khả năng thanh toán nợ.

Đến ngày 13/03/2019, ông Nguyễn Lâm P và ông Lê Văn T đối chiếu công nợ, hai bên xác nhận ông P còn nợ số tiền là 53.170.000 đồng. Tuy nhiên sau khi đối chiếu công nợ ông P có thanh toán thêm tiền cho ông T nhưng ông P không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu.

Đối với số tiền nợ ông T thì ông P đồng ý trả nhưng ông yêu cầu được đối chiếu lại và cho ông được trả dần vì hiện tại hoàn cảnh ông rất khó khăn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Lâm P có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh T số tiền mua hàng còn nợ là 53.170.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 3.530.488 đồng. Tổng cộng số tiền là 56.700.488 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về tố tụng: Theo hồ sơ vụ án thì Tòa án xác định nguyên đơn là ông Lê Văn T (chủ Hộ kinh doanh T), tuy nhiên theo Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh thì ông Lê Văn T là người đại diện Hộ kinh doanh T. Do đó Tòa án xác định lại tư cách tham gia tố tụng của Nguyên đơn đơn là Hộ kinh doanh T – Người đại diện là ông Lê Văn T.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Lâm P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2020 phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 19/12/2017, ông Nguyễn Lâm P với Hộ kinh doanh T có ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản. Theo thỏa thuận thì ông T bán cho ông P các sản phẩm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản.

Như vậy có cơ sở xác định trên thực tế giữa Hộ kinh doanh T (do ông Lê Văn T đại diện) với ông Nguyễn Lâm P có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện. Sau khi ký Hợp đồng Hộ kinh doanh T đã giao cho ông Nguyễn Lâm P các sản phẩm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của ông P, phía ông P thừa nhận sau khi mua hàng do Tôm bị bệnh, mất mùa nên ông P không có khả năng thanh toán nợ, do đó vào ngày 13/03/2019, ông Nguyễn Lâm P và ông Lê Văn T đối chiếu công nợ, hai bên xác nhận ông P còn nợ số tiền là 53.170.000 đồng. Xét thấy tại Điều 2 của Hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết quy định “*Bên B (bên ông Nguyễn Lâm*

P) thanh toán công nợ cho bên A (bên Hộ kinh doanh T) ngay sau khi bên B thu hoạch tôm, trường hợp vụ tôm bên B nuôi không đạt thì bên B vẫn phải thanh toán tiền, nếu có sự chậm trễ phải báo cho bên A và phải được bên A đồng ý ...” ông P thừa nhận đã nhận hàng của Hộ kinh doanh T, sau khi nhận hàng ông P không có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng hàng hóa cũng không có văn bản xin chậm tranh toán nợ, đến nay tôm đã thu hoạch nhưng ông P không thực hiện việc thanh toán tiền mua hàng cho Hộ kinh doanh T nên đã vi phạm vào Điều 2 của Hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết và khoản 1 Điều 440 Bộ Luật dân sự, do đó việc Hộ kinh doanh T yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ 53.170.000 đồng là có căn cứ.

Ông P cho rằng sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 13/03/2019 thì ông P có thanh toán thêm tiền cho ông T nhưng ông P không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Xét thấy, Tòa án đã ra thông báo cho ông P cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán tiền cho Hộ kinh doanh T nhưng đến nay ông P không cung cấp được chứng cứ gì cho Tòa án và phía ông T cũng không thừa nhận lời trình bày của ông P nên yêu cầu của ông P không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Nguyễn Lâm P trả lãi chậm thanh toán từ ngày 14/03/2019 đến ngày 14/11/2019 là 3.530.488 đồng (0,83%/tháng x 08 tháng). Xét thấy, ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho Hộ kinh doanh T theo thỏa thuận nên ông P phải có trách nhiệm trả lãi trên số tiền chậm trả theo yêu cầu của Hộ kinh doanh T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ Luật dân sự. Do đó việc Hộ kinh doanh T yêu cầu ông P thanh toán tiền lãi chậm trả số tiền 3.530.488 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ kinh doanh T là 56.700.488 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Hộ kinh doanh T được chấp nhận nên Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Lâm P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 440 Bộ Luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Nguyễn Lâm P có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ kinh doanh T số tiền nợ mua hàng là 53.170.000 đồng và tiền lãi là 3.530.488 đồng. Tổng cộng số tiền 56.700.488 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Lâm P còn phải trả lãi cho Hộ kinh doanh T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, đối với số tiền nợ mua hàng chậm thi hành án.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Lâm P phải chịu án phí số tiền 2.835.024 đồng. Hoàn trả cho Hộ kinh doanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.417.000 đồng theo biên lai thu số 0001762 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

[3]. Hộ kinh doanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Lâm P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên